

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHOA NGOẠI NGỮ Tiếng Pháp 1
Bộ môn: Ngoại ngữ không chuyên Mã số học phần: 133069

1. Thông tin về giảng viên:

- Họ và tên: Trịnh Cẩm Xuân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ không chuyên, Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Sn 281, Đình Hương, Đông Cương, Thành phố Thanh Hoá
- Điện thoại: 0915178050.
- Email: camxuan.trinh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính của giảng viên: So sánh đối chiếu ngôn ngữ Việt -Pháp và các vấn đề liên quan đến lý luận, phương pháp giảng dạy tiếng Pháp.

Thông tin về giảng viên có thể giảng dạy học phần này:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Đan Sâm
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Cử nhân
- Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ không chuyên, Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Sn 182, Trường Thi, Thành phố Thanh Hoá
- Điện thoại: 0915.392.886.
- Email: samnt304@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

- Tên ngành/khóa đào tạo: Cao Đẳng, Đại học Sư phạm Tiếng Anh
- Tên học phần: Tiếng Pháp 1
- Số tín chỉ: 4
- Học kỳ: III cho Cao Đẳng và kỳ IV cho Đại học
- Học phần: + Bắt buộc: x+ Tự chọn:
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các học phần kế tiếp: Tiếng Pháp 2.
- Các học phần tương đương, học phần thay thế (nếu có): .
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: **36** + Làm bài tập: **24**
 - + Thực hành: **24** + Tự học: **180**

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu chung:

- Kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Pháp. Bước đầu hình thành các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản trong thực tế.
- Năng lực đạt được: - Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.
- Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè.
- Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ. Kết thúc học phần, người học đạt trình độ sơ cấp, bậc 1/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3.2. Mục tiêu cụ thể: Sau khi học xong học phần này sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

3.2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Người học nắm vững được kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp.
- + Về Ngữ Âm: Người học có khả năng phát âm chuẩn từng âm, từng từ và cụm từ rồi từng câu. Từ đó nói được những câu ngắn thông dụng trong giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Pháp.
- + Về Ngữ Pháp: Người học biết chia các động từ cơ bản trong tiếng pháp ở các thì đơn giản như Hiện tại, quá khứ kép, tương lai...Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu đơn giản để có thể sử dụng trong các tình huống của bài học và ứng dụng vào thực tế giao tiếp.
- + Về Từ vựng: Người học có thể sử dụng được hệ thống từ vựng cơ bản về các chủ đề thường gặp: gia đình, đồ vật, công sở, hành chính...trong các bài viết và đọc hiểu tiếng Pháp.
- + Về Văn hóa văn minh Pháp: Người học hiểu và so sánh các thói quen, tập quán văn hóa của người Pháp với người Việt.

3.2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết cách tự học và cách làm việc theo nhóm, cách giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày ... Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.
- + Kỹ năng nghe: Có thể theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận và xử lý thông tin; Có thể hiểu được

những đoạn hội thoại rất ngắn, cấu trúc rất đơn giản, tốc độ nói chậm và rõ ràng về các chủ đề cá nhân cơ bản, trường lớp học và những nhu cầu thiết yếu; Có thể hiểu, làm theo những chỉ dẫn ngắn và đơn giản được truyền đạt chậm và cẩn thận.

+ Kỹ năng nói: Có thể đưa ra và hỏi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp học hoặc nhu cầu giao tiếp tối thiểu hàng ngày; Có thể mô tả về người nào đó, nơi họ sống và công việc của họ; Có thể đọc những đoạn ngắn đã chuẩn bị trước; Có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực quan tâm và về những chủ đề quen thuộc; Có thể giới thiệu, chào hỏi và tạm biệt trong giao tiếp cơ bản; Có thể hỏi thăm tình hình của mọi người và phản hồi với các tin tức đó; Có thể thực hiện các giao dịch về hàng hóa và dịch vụ một cách đơn giản; Có thể xử lý con số, khối lượng, chi phí và thời gian; Có thể trả lời phỏng vấn không sử dụng thành ngữ những câu hỏi trực tiếp đơn giản với tốc độ nói chậm và rõ ràng về thông tin bản thân. Phát âm rõ ràng những từ, cụm từ và cách diễn đạt đã được học; Có thể sử dụng các phát ngôn rất ngắn, biệt lập, chủ yếu là những cấu trúc đã học tuy vẫn còn ngập ngừng để tìm cách diễn đạt; Có thể sử dụng một số ít các cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đã học; Có thể sử dụng các nhóm từ, cách diễn đạt lịch sự đơn giản nhất hàng ngày, bao gồm: chào hỏi, giới thiệu, nói xin mời, cảm ơn, xin lỗi...

+ Kỹ năng đọc: Có thể hiểu các đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè v.v... Có thể hiểu sơ bộ nội dung của các văn bản đơn giản, quen thuộc hoặc các đoạn mô tả ngắn, đặc biệt là khi có minh họa kèm theo; Có thể nhận diện các tên riêng, các từ quen thuộc, các cụm từ cơ bản nhất trên các ghi chú đơn giản, thường gặp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày; Có thể hiểu các thông điệp ngắn, đơn giản trên bưu thiếp, Có thể đi theo các bản chỉ dẫn đường ngắn, đơn giản; Có thể viết lại các từ đơn và các văn bản ngắn được trình bày ở dạng in chuẩn.

+ Kỹ năng viết: - Có thể viết những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc; Có thể viết những cụm từ, câu đơn giản về bản thân và những người trong tương tượng, nơi sống và công việc của họ; Có thể yêu cầu hoặc cung cấp thông tin cá nhân bằng văn bản; Có thể viết, đáp lời một bưu thiếp, điền các bảng, biểu mẫu đơn giản; Có thể viết và điền các con số, ngày tháng, tên riêng, quốc tịch, địa chỉ, tuổi, ngày sinh khi đến một quốc gia, ví dụ: điền vào một mẫu đăng ký khách sạn; Có thể chép lại những từ đơn hay văn bản ngắn được trình bày dưới dạng in chuẩn; Có kiến thức cơ bản về cách diễn đạt

đơn giản các thông tin cá nhân và nhu cầu cụ thể; Có vốn từ cơ bản gồm các từ, cụm từ đơn lẻ thuộc các tình huống cụ thể; Chỉ dùng được một cách hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đơn giản trong vốn ngữ pháp đã được học; Có thể chép lại các từ và các cụm từ ngắn, quen thuộc như các biển hiệu hoặc các lời chỉ dẫn đơn giản, tên các vật dụng hằng ngày, tên các cửa hiệu và các cụm từ thường xuyên sử dụng; Có thể viết đúng chính tả địa chỉ, quốc tịch và các thông tin cá nhân khác.

3.2.3. Mục tiêu về thái độ

- Nhận thức đúng tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.
- Thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học
- Tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.
- Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm, vv... ngoài giờ học trên lớp.

4. Ma trận năng lực:

| STT | Năng lực đạt được | Nhớ | Hiểu | Vận dụng | Phân tích | Đánh giá | Sáng tạo |
|----------|---|-----|------|----------|-----------|----------|----------|
| 1 | Kiến thức : | | | | | | |
| 1.1 | Về Ngữ Âm: có kiến thức về các nguyên âm, phụ âm, Các nguyên tắc ghép âm, nối âm, luyện âm | x | x | x | | | |
| 1.2 | Về Ngữ Pháp: có kiến thức về các đại từ, cách chia các động từ cơ bản trong tiếng pháp ở các thì đơn giản như hiện tại, tương lai gần, thức mệnh lệnh; Các mạo từ, tính từ sở hữu, trạng từ; các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu đơn giản. | x | x | x | | | |
| 1.3 | Về Từ vựng: Có vốn từ vựng về các chủ đề quen thuộc hằng ngày như gia đình, thành phố, các ngày tháng năm, số đếm, số thứ tự... | x | x | x | | | |
| 1.4 | Về Văn hóa văn minh Pháp: Hiểu biết về nền văn hóa Pháp như các thành phố lớn của Pháp, nếp sinh hoạt của người Pháp... | x | x | | | | |
| 2 | Kỹ năng : | | | | | | |
| 2.1 | Kỹ năng Nghe: - Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận và xử lý thông tin - Hiểu được những đoạn hội thoại rất ngắn, cấu trúc rất đơn giản, tốc độ nói chậm và rõ ràng về các chủ đề cá nhân cơ bản, trường lớp học và những nhu cầu thiết yếu. | | | x | | | |

| | | | | | | | |
|----------|--|--|--|---|--|--|---|
| 2.2 | <p>Kỹ năng Nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực quan tâm và về những chủ đề quen thuộc - Phát âm rõ ràng những từ, cụm từ và cách diễn đạt đã được học; - Có thể sử dụng các phát ngôn rất ngắn, biệt lập, chủ yếu là những cấu trúc đã học tuy vẫn còn ngập ngừng để tìm cách diễn đạt; - Có thể sử dụng một số ít các cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đã học; - Có thể sử dụng các nhóm từ, cách diễn đạt lịch sự đơn giản nhất hằng ngày, bao gồm: chào hỏi, giới thiệu, nói xin mời, cảm ơn, xin lỗi... | | | X | | | |
| | | | | X | | | |
| | | | | X | | | |
| | | | | X | | | |
| 2.3 | <p>Kỹ năng Đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể hiểu các đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè v.v... - Có thể hiểu sơ bộ nội dung của các văn bản đơn giản, quen thuộc hoặc các đoạn mô tả ngắn, đặc biệt là khi có minh họa kèm theo | | | X | | | |
| | | | | x | | | |
| 2.4 | <p>Kỹ năng Viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể viết những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc; Có thể viết những cụm từ, câu đơn giản về bản thân và những người trong tương tượng, nơi sống và công việc của họ - Có thể viết, đáp lời một bưu thiếp, điền các bảng, biểu mẫu đơn giản; Có thể viết và điền các con số, ngày tháng, tên riêng, quốc tịch, địa chỉ, tuổi, ngày sinh khi đến một quốc gia, ví dụ: điền vào một mẫu đăng ký khách sạn | | | X | | | |
| | | | | x | | | |
| 3 | Thái độ: | | | | | | |
| 3.1 | Tích cực trong các hoạt động trên lớp | | | x | | | |
| 3.2 | Chủ động chuẩn bị bài tập ở nhà | | | x | | | |
| 3.3 | Trung thực trong kiểm tra, đánh giá | | | x | | | |
| 4 | Các năng lực khác: | | | | | | |
| 4.1 | Kỹ năng làm việc nhóm | | | x | | | X |
| 4.2 | Kỹ năng giao tiếp | | | | | | |
| 4.3 | Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong học ngoại ngữ | | | | | | |

5. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần tiếng Pháp 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

Học phần gồm 14 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 5 đến bài 8 trong giáo trình « *Campus 1* »- Jacky Girardet, Jacques Pécheur, CLE international. Mỗi bài học gồm 6 phần :

- Từ vựng : Người học được cung cấp một hệ thống từ vựng xoay quanh một chủ đề. Người học biết sử dụng vốn từ đã học để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp.

- Ngữ pháp : Người học được cung cấp một hệ thống ngữ pháp tiếng Pháp. Trong phần này người học nắm được các hiện tượng ngữ pháp, các cấu trúc câu cơ bản để sử dụng phù hợp trong các tình huống của bài học.

- Bài nghe hiểu và đọc hiểu : Được thiết kế bằng các bài báo, truyện tranh, các bài hội thoại diễn đạt các tình huống giao tiếp hàng ngày như : Giới thiệu, miêu tả, kể chuyện, giao tiếp nơi công cộng, trao đổi thư từ cá nhân, tìm hiểu và cung cấp thông tin, tìm việc, xin việc, thể hiện cảm xúc, đưa ra ý kiến của mình về một số vấn đề ... Thông qua các bài nghe và đọc, người học củng cố, tổng hợp vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp và thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ...

- Ngữ âm : Chủ yếu là các bài tập nghe và luyện phát âm từ đơn giản đến phức tạp. Đây là phần giúp người học được thường xuyên tập luyện và thực hành phát âm từng âm tiết cho đến từng từ, cụm từ và câu.

- Văn hoá văn minh : Các kiến thức văn hoá văn minh được lồng ghép trong các bài nghe, đọc hoặc được trực tiếp thiết kế là một bài học trong mỗi chương. Trang bị cho người học những hiểu biết về đất nước, con người và nền văn hoá văn minh giàu bản sắc và lâu đời của nước Pháp với những thông tin thú vị về mọi mặt đời sống : một ngày ở Paris bắt đầu và kết thúc thế nào, giải đua xe đạp vòng quanh nước Pháp Tour de France... Ngay cả những hành vi và cách ứng xử lịch sử, văn minh cũng được nhắc đến trong phần này.

- Các bài tập : Hệ thống các bài tập củng cố từ vựng, ngữ pháp ; bài tập đọc hiểu, bài tập nghe hiểu và các bài tập viết theo chủ đề của từng bài học.

Nội dung của học phần tiếng Pháp 1 giúp người học rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Pháp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tham gia các hoạt động nhóm, làm các bài tập bắt buộc, mở rộng ... thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của sinh viên.

5.Nội dung chi tiết học phần

| Sema ine | Objectifs | Titre de leçon | Contenu | | |
|-------------|---|---|--|---|---|
| | | | Grammaire | Vocabulaire et Civilisation | Phonétique et communication |
| 1 | Dire ce qu'on a fait | La disparition De retour du salon | Passé composé Situer un événement dans le passé | Disparition, expression du temps. Toulouse, une entreprise | Dire ce qu'on fait Interroger/ répondre d'un emploi du temps |
| | S'informer sur un emploi du temps passé | La disparition 2 La surprise du matin lundi | Passé composé avec des verbes "être" | Surprise, ordinateur... Appeler, se passer, perdre | Travail sur les sons qui distinguent le présent et le passé |
| 2 | Expliquer Exprimer la doute ou la certitude | Savez- vous pourquoi? la Disparition 3 On cherche une explication | Expression de la cause, du but, de l'opposition pronoms indéfinis être + adjectif option | Éducation, religion Spécialité française Explication, concurrent TGV | Donner des explications Exprimer une opinion à propos de la vérité d'un fait |
| 3 | Découvrir la relation entre mot Savoir s'informer | Faire des mots avec des mots Point info Bilan 6 | Le passé composé Interrogation indirecte | Dérivation nominales : -ment, -ation Transport, documentation Les moyens d'information | Trois types de récits Demander un renseignement |

| | | | | | |
|----------|--------------------------------------|---|--|--|---|
| 4 | Acheter | La fete, un cadeau pour Julien | Expression de la ressemblance et different | Idee, cadeau, reveil... Les achatsCouleurs, formes et dimensions... | Se debroullier dans one situation d'achat |
| | Decrire les choses S'habiller | Plaisirs des couleurs et des formes Tendances de la mode | Formes feminins et masculins des adjectifs connus La place de l'adjectif | Les drapeaux, les couleurs, les formes,... Les objets de modernite Noms des vetements, Habitudes de vetements | Caracteriser un objet par la couleur, la forme... Nommer, caracteriser un vetement |
| 6 | Manger et boire | La fete- un cocktail Comment mangez-vous | L'article partitif Nourriture et posson Continuite de l'action: enore, toujours... | Cocktail... Comprendre une recette Mots de nourriture Habitudes alimentaires en France | Distintion P. B. V Commander un repas au restaurant |
| 7 | Organiser une fete | La France fait la fete Bilan 6 | | Occasion, action, facon... Facon de faire la fete en France | Parler des activite festives |

| | | | | | |
|----|--|--|---|---|--|
| 8 | -Recevoir et communiquer - maitriser les actes de la communication sociale courante | La révélation1, la reception, la confiance | - Pronoms complément directs et indirects - Accord du participe passé - Les verbes : <i>Donner et recevoir</i> | Comportement social: presenter quelqu'un, offrir quelque chose, remercier, inviter, accepter, refuser | Prononciation et rythme des énoncés avec pronoms compléments salutations, présentations, remerciements |
| 9 | caractériser une personne : aspect physique et caractère | l'astrologie relève votre caractère la revelation 3 - Conseils | - Proposition complétives: <i>penser que et croire que</i> - Féminin des adjectifs - Donner un ordre, un conseil: Construction de l'Impératif avec un pronom complement | - La physique des personnes - Cinéma: <i>Le Goût des autres</i> - Caractère et personnalité | Demander et donner des informations sur la personnalité et caractère de quelqu'un |
| 10 | annoncer un événement,exprimer un souhait, merci -Parler des personnes et Donner des instructions | Petits messages entre amis Le gout des autres ou la difficulté de ... | - utiliser les pronoms - éviter les répétitions - Impératif: verbs "être" et "avoir" -Etre à l'aise avec les autres | - Communication et échange, forme de petits messages les milieux socio-professionnels | - Messages bref et familier écrire les lettres de circonstances |

| | | | | | |
|-----------|---|---|--|---|--|
| | | | | | |
| 11 | - parler du passé et raconter des moments d'une vie | Une époque, une chanson | - Imparfait - Emploi du passé composé et de l'imparfait dans le récit | - une époque, une chanson -Génération années 50,60,70,80 et chansons | [j]: nous voulons, nous voulions) - faire un courte biographie |
| | -parler du passé, des habitudes et des | Un champion | - les verbes: apprendre, se souvenir, se rappeler, | - Biographie et portrait de Zidane | - évoquer un souvenir, un moment du passé |
| 12 | - parler de la famille | Les membres de la famille | - utiliser la forme pronominale: sens réfléchi et sens | La famille en France et à travers le cinéma | [4i]-présenter les membres de la famille |
| | - raconter une suite d'événements, préciser les dates et leur durée | Le retour au pays 1: ça fait longtemps... | - Expression de la durée dans le passé | La France rural Préciser le moment et la durée | -Le son [u]-demander/donner des précisions temporelles sur un emploi |
| 13 | Parler des habitudes et des changements | Le retour au pays 2 | Fréquence et continuation de l'act | évolution et changement en milieu rural, | Raconteur et decrier des changements |
| 14 | - connaître quelques moments de l'histoire | Le passé est toujours present Bilan 8 | - Passé composé et imparfait | Repères de l'histoire de la France | Comparer avec le VN |

6. Học liệu:

- Học liệu bắt buộc

[1]. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2004, *Campus I. - Méthode de français*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)

[2]. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2004, *Campus I. – Cahier d'exercice*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2)

- Học liệu tham khảo

[3]. Michele Boularès et Jean-Louis Frérot, *Grammaire progressive du français avec 400 exercices*, CLE International, Paris, 2004

[4]. Y. De Latour, D. Jennepin, M.Léon-Dufour, A.Mattlé, B.Tessier, *Grammaire - 350 exercices Niveau moyen*, Hachette, Paris, 2003

[5]. Christian Beaulieu, *Exercices de grammaire A1 du Cadre européen*, Didier, 2006

[6]. Ludivine Glaud et Muriel Lannier, *Grammaire essentielle du français A1 A2*, Didier, 2015

[7]. Gaël Crépieux, *Vocabulaire essentiel du Français Niveau A1-A2*, Didier, 2016

[8]. Sylvie Poisson-Quinton, *Compréhension écrite 1*, Cle International, 2004

- Website :

1. <http://www.cle.fr>
2. <http://grammaire.>
3. <http://www.tv5.org/>
4. <http://www.lepointdufle>
5. <http://www.ortholud.com>
6. <http://tiengphaponline.com>
7. <http://www.didieraccord.com/exercices>

7. Hình thức tổ chức dạy học

7.1. Lịch trình chung:

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học phần | | | | | | | Tổng |
|-------------|--------------------------------|-----------------------|-----------|---------|----------------------|---------------|-------|-----------|
| | Lý thuyết | Bài tập/ Thảo luận | Thực hành | Khác () | Tự học/tự nghiên cứu | Tư vấn của GV | KT-ĐG | |
| Nội dung 1 | 2 | 2 | 2 | | 7 | | | 6 |
| Nội dung 2 | 3 | 2 | 1 | | 6 | | Viết | 6 |
| Nội dung 3 | 2 | 3 | 1 | | 7 | | | 6 |
| Nội dung 4 | 3 | 1 | 2 | | 6 | | Nghe | 6 |
| Nội dung 5 | 2 | 2 | 2 | | 6 | | | 6 |
| Nội dung 6 | 3 | 2 | 1 | | 7 | | KTGK | 6 |
| Nội dung 7 | 2 | 1 | 3 | | 6 | | | 6 |
| Nội dung 8 | 3 | 2 | 1 | | 7 | | Nói | 6 |
| Nội dung 9 | 3 | 2 | 1 | | 6 | | | 6 |
| Nội dung 10 | 2 | 1 | 3 | | 6 | | Đọc | 6 |
| Nội dung 11 | 3 | 2 | 1 | | 7 | | | 6 |
| Nội dung 12 | 3 | 1 | 2 | | 6 | | Viết | 6 |
| Nội dung 13 | 2 | 2 | 2 | | 7 | | | 6 |
| Nội dung 14 | 3 | 1 | 2 | | 6 | | | 6 |
| Tổng | 36 | 24 | 24 | | 180 | | | 84 |

7.2. Lịch trình cụ thể cho từng nội dung:

Nội dung 1, Tuần 1: 5.1. La disparition : Retour du salon;

5.2 La disparition 2 : La surprise du matin lundi

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|-------------|--|---|---|
| Lý thuyết | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Decouverte du document - Observation la dessin et préciser la situation - écouter le document en entier - écouter phrase par phrase - observer les formes imperatives - imaginer d'autre fautes et d'autre formes | <p>-Grammaire: Conjugaison de pronominales Imperatifs, il faut</p> <p>- Vocabulaire: Raconteur une journée en France</p> <p>- Culture: Les activités de la journée Les repas en France</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Apprendre le vocabulaire Page 50,51 (D1) - Trouver les mots et expressions nouveaux dans les dialogues page 52, 53 Lecture du tableau |
| Bài tập/ Thảo luận | 3 | <ul style="list-style-type: none"> -Exercices 1,2,3 p.53,54 - production orale et écrite | <ul style="list-style-type: none"> - Bien utiliser les verbes pronominaux, l'imperatif, il faut | <ul style="list-style-type: none"> Bien Observer le tableau de Grammaire Faire des exercices proposés |
| Thực hành | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - écoute et travail sur les trois parties du documents | <ul style="list-style-type: none"> - Pratiquer la compréhension orale | <ul style="list-style-type: none"> Participer activement |
| Tự học/tự NC | À la maison | <ul style="list-style-type: none"> Terminer tous les exercices écrits, Libre, Marquer des difficultés | <ul style="list-style-type: none"> Renforcer les connaissances de vocabulaire et grammaire | <ul style="list-style-type: none"> - Faire soi-même des exercices. |
| Tư vấn GV | | Bien faire attention aux structures grammaticales, bien pratiquer dans les situations concrètes | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | Evaluer les exercices et les tâches réservées aux étudiants | |

Nội dung 2, Tuần 2 : 5.3. Savez- vous pourquoi?

5.4 La disparition 3: On cherche une explication

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|-----------|---|--|--|
| Lý thuyết | 3 | Adjectives demonstratifs Adjectifs numeros Boulevard, batiment, chamber, appartement... La ville de Nancy- une ville de province | - Grammaire: passe compose Auxiliaires “avoir” - Vocabulaire: une disparition, one presentation ... - Culture: Toulouse, une entreprise. | Demander et comprendre des explications a propos d’un itineraire |
| Bài tập/ Thảo luận | 2 | -Exercices 1,2,3 p.62 ,p.63, -Exercices 1, 2, 3 p. 64, 65 - jouez les scenes | - Bien utiliser les verbes passe compose Auxiliaires “avoir” | Bien Observer le tableau de Grammaire |
| Thực hành | 1 | - écoute et travail sur les trois parties du documents - dialogues par deux | - bien pratiquer les compétences. | Participer activement |
| Tự học/tự NC | | Terminer tous les exercices écrits Libre, Marquer des difficulties: le passe compose! | Renforcer les connaissances de vocabulaire et grammaire | - Faire soi -même des exercices. |
| Tư vấn GV | | Bien faire attention aux structures grammaticales, bien pratiquer dans les situations concrètes | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | Evaluer les exercices et les taches réservées aux étudiants | |

Nội dung 3, Tuần 3: 5.5. Faire des mots avec des mots; 5.6. Point info: savoir s'informer, Bilan 5

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|--------------|--|---|--|
| Lý thuyết | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Decouverte du document - Observation la dessin et préciser la situation - écouter le document en entier - écouter phrase par phrase - observer les formes imperatives - imaginer d'autre fautes et d'autre formes | <ul style="list-style-type: none"> -Grammaire: expression de la cause, du but, de l'opposition - Vocabulaire: education, élève, père... - Culture: spécialité française | Demander et comprendre des explications a propos d'un itineraire |
| Bài tập/ Thảo luận | 2 | <ul style="list-style-type: none"> -Exercices 1,2,3 p66, 67 -Exercices 1,2,3 p.68, 69 - jouez les scenes | <ul style="list-style-type: none"> - Bien utiliser les expression de la cause, du but et de l'opposition - Recherche des idées | Bien Observer le tableau de Gr |
| Thực hành | 2 | Expression écrite : écrire des spécialités vietnamiennes. | - Comparer entre les deux cultures. | Participer activement |
| Tự học/tự NC | 7À la maison | Terminer tous les exercices écrits Libre, Marquer des difficultis | Obtenir les connaissances des expressions du but... | - Faire soi -même des exercices. |
| Tư vấn GV | | Bien faire attention aux structures grammaticales, bien pratiquer dans les situations concrètes | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | Evaluer les exercices et les taches réservées aux étudiants | |

Nội dung 4, Tuần 4: 6.1.La fête, un cadeau pour Julien, 6.2. Plaisirs des couleurs et des formes,

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|--------------|---|--|--|
| Lý thuyết | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Production d'un récit à partir d'un document. - Présentation de la situation - noter les correspondances, noms et verbes - faire imaginer la suite du programme- récit au passé. | <p>-Grammaire: le passé composé,</p> <p>- Vocabulaire: dérivation nominales</p> <ul style="list-style-type: none"> - participe passés et infinitifs <p>Séances...</p> <p>- Culture: la séminaire d'entreprise.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Séville, une grande ville d'Europe. | Expression de la ressemblance et différent |
| Bài tập/ Thảo luận | 2 | <ul style="list-style-type: none"> -Exercices 1,2,3 p.72, 73 -Exercices 1,2,3 p. p.72, 73 - Pratique des dérivations noms,verbes | <p>Bien utiliser les dérivations des noms, verbes</p> <p>Emploi de l'infinitif et du passé.</p> | Bien Observer le tableau de Gr |
| Thực hành | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bilan, - lecture des documents - Test 3 | Bien connaître des informations sur les différents médias. | Participer activement |
| Tự học/tự NC | 7À la maison | <p>Terminer tous les exercices écrits</p> <p>Libre, Marquer des difficultés</p> | | - Faire soi-même des exercices. |
| Tư vấn GV | | Bien faire attention aux structures grammaticales, bien pratiquer dans les situations concrètes | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | Evaluer les exercices et les tâches réservées aux étudiants | |

Nội dung 5, Tuần 5: 6.3. Tendances de la mode, 6.4. la fete- un cocktail ;

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|------------------|--|---|--|
| Lý thuyết | 3 | - Production d'un récit à partir d'un document. - Présentation de la situation - noter les correspondance, nom et verbes faire imaginer la suite du programme - récit au passé. Commander un repas au restaurant Parler des activite festives | - Grammaire: le passé composé, - Vocabulaire: - participe passés et infinitifs Séances... - Culture: la séminaire d'entreprise. Occasion, action, facon... Facon de faire la fete en France | Demander et comprendre des mots nouveaux p. 72, 73 |
| Bài tập/ Thảo luận | 2 | -Exercices 1,2,3 p.72, 73 - Pratique des dérivations noms,verbes | Bien utiliser les dérivations des noms, verbes | Bien Observer le tableau de |
| Thực hành | 1 | - Bilan, - lecture des documents - Test 3 | Commander un repas au restaurant Parler des activite festives | Participer activement |
| Tự học/tự NC | 7 À la maison | Terminer tous les exercices écrits Libre, Marquer des difficultés | | - Faire soi -même des exercices. |
| Tư vấn GV | | Bien faire attention aux structures grammaticales, bien pratiquer dans les situations concrètes | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | Evaluer les exercices et les taches aux étudiants | |

Nội dung 6, Tuần 6: 6.5. Comment mangez-vous;

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian (số tiết) Địa điểm | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|---------------------------------|--|--|--|
| Lý thuyết | 3 Salle de classe | -Découverte du document: l’histoire “ la revelation”1,2 -Observation des pronoms complements et les comportements verbaux et gestuels spécifiques aux invitations | - Grammaire: +les pronoms complements d’objets directs: me, te, le/la, nous, vous, les. - Vocabulaire: la province, scandale, reception, revelation, une rose, un poète...; - Culture: + comportement proper aux invitations et receptions | - Apprendre le vocabulaire Page 90, 92 (D1) - Trouver les mots |
| Bài tập/ Thảo luận | 3 | -Exercices 1, 2, 3 p.91, p.93 - jouez les scenes | - Bien utiliser les pronoms de complements d’objets directs. | Bien Observer le tableau de Gr |
| Thực hành | | - écoute et travail sur les trois parties des documents | - Pratiquer le comprehension orale | Participer activement |
| Tự học/tự NC | 7À la maison | Terminer tous les exercices écrits Libre, Marquer des difficulties | Renforcer les connaissances de vocabulaire et grammaire | - Faire soi - même des exercices. |
| Tư vấn GV | | Bien faire attention aux structures grammaticales, bien pratiquer dans les situations concrètes | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | Evaluer les exercices et les taches réservées aux étudiants | |

Nội dung 7, Tuần 7 : 6.6. La France fait la fete, Bilan 6

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian (số tiết) | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|----------------------------------|----------------------------|--|--|---|
| Lý thuyết | 3 Salle de classe | -Découverte du document: lecture collective du document: - expliquer les mots nouveaux, -completer au tableau, - recherché les messages du meme type - faire recherché des formulations synonymes -Expression écrite : écrire une lettre à un ami pour raconter les dernières vacances - raconter ce qu'on fait dans le passé... | - communication: Exprimer à l'écrit quelsques actes de paroles déjà abordés à l'oral comme invitation, acceptation, remerciement... - Vocabulaire: rêve, heureux, journée, recette, pot.... Les verbes: découvrir, abandonner, féliciter, embrasser, souhaiter, - Culture: Formes codifiées: des écrits familiers brefs, des cartons d'invitation, | - Apprendre le vocabulaire Page 98 (D1) - Trouver les mots et expressions nouveaux dans les lettres page 98 |
| Bài tập/ Thảo luận | 3 | - Exercices 1,2,3,4 , p.101 - lisez- réfléchissez: E.1,2,3 p.101 | - Bien utiliser les formules, les réponses d'invitation... | Bien Observer les lettres |
| Thực hành | | - écrire les lettres , répondre aux lettres en gardant le meme style, familier ou formel | - Pratiquer l'expression écrite | Participer activement |
| Tự học/tự NC | 6- a la mai son | Terminer tous les exercices écrits bien écrire une lettre au différent style. | Renforcer les connaissances de vocabulaire et grammaire, | - Faire des exercices. |
| Tư vấn GV | | Faire attention aux structures de petits messages et utiliser fréquemment entre amis | | |
| KT-ĐG | | Test 4 | Bien utiliser la forme d'une lettre et du langage familière. | |

Nội dung 8, Tuần 8 : Unité 7, leçon 1 : 7.1, 7.2. L'ASTROLOGIE RELEVE VOTRE CARACTERE; LA REVELATION 3-CONSEILS

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian (số tiết) Địa điểm | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|---------------------------------|--|---|--|
| Lý thuyết | 3 Salle de classe | -Découverte du document: l'histoire “ la revelation”1,2 -Observation des pronoms complements et les comportements verbaux et gestuels spécifiques aux invitations | - Grammaire: +les pronoms complements d'objets directs: me, te, le/la, nous, vous, les. - Vocabulaire: la province, scandale, reception, revelation, une rose, un poète...; - Culture: + comportement proper aux invitations et receptions | - Apprendre le vocabulaire Page 90, 92 (D1) - Trouver les mots |
| Bài tập/ Thảo luận | 3 | -Exercices 1, 2, 3 p.91, p.93 - jouez les scenes | - Bien utiliser les pronoms de complements d'objets directs. | Bien Observer le tableau de Gr |
| Thực hành | | - écoute et travail sur les trois parties des documents | - Pratiquer le comprehension orale | Participer activement |
| Tự học/tự NC | 7À la maison | Terminer tous les exercices écrits Libre, Marquer des difficultés | Renforcer les connaissances de vocabulaire et grammaire | - Faire soi - même des exercices. |
| Tư vấn GV | | Bien faire attention aux structures grammaticales, bien pratiquer dans les situations concrètes | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | Evaluer les exercices et les taches réservées aux étudiants | |

Nội dung 9, Tuần 9 :7.3. L'astrologie relève votre caractère, 7.4. La revelation 3 - Conseils

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian (số tiết) Địa điểm | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|---------------------------------|--|---|---|
| Lý thuyết | 3 Salle de classe | - Observations des photos et écoute de la scène en entiere - Analyse du corpus écrit au tableau pendant l'activité précédente, faire remarquer: les pronoms remplacent un complements d'objet direct (sans preposition) | - Grammaire: Accord du participe passé quand l'auxiliaire est "avoir" +les pronoms complements indirects - Vocabulaire: thématique de l'échange et de communication - Culture: + Le monde du pouvoir et de la presse | - Apprendre le vocabulaire Page 90, 92 (D1) - Trouver les mots et |
| Bài tập/ Thảo luận | 3 | -Exercices 1, 2, 3 p.94; 1,2. p.96, 97 - jouez les scenes | - Bien utiliser les pronoms de complements d'objets directs. | Bien Observer le tableau de Gr |
| Thực hành | | - écoute et travail sur les trois parties des documents | - Pratiquer le comprehension orale | Participer activement |
| Tự học/tự NC | 7À la maison | Terminer tous les exercices écrits Libre, Marquer des difficultés | Renforcer les connaissances de vocabulaire et grammaire | - Faire soi - même des exercices. |
| Tư vấn GV | | Bien faire attention aux structures grammaticales, bien pratiquer dans les situations concrètes | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | Evaluer les exercices et les taches réservées aux étudiants | |

Nội dung 10, Tuần 10 : 7.5: PETITS MESSAGES ENTRE AMIS,

leçon 6: LE GOUT DES AUTRES OU LA DIFFICULTE DE COMMUNIQUER; BILAN

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian (số tiết) | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|----------------------|--|---|---|
| Lý thuyết | 3 Salle de classe | -Découverte du document: lecture collective du document: - expliquer les mots nouveaux, -compléter au tableau, - recherché les messages du meme type - faire recherché des formulations synonymes -Expression écrite : écrire une lettre à un ami pour raconter les dernières vacances - raconter ce qu'on fait dans le passé... | - communication: Exprimer à l'écrit quelques actes de paroles déjà abordés à l'oral comme invitation, acceptation, remerciement... - Vocabulaire: rêve, heureux, journée, recette, pot.... Les verbes: découvrir, abandonner, féliciter, embrasser, souhaiter, - Culture: Formes codifiées: des écrits familiers brefs, des cartons d'invitation, | - Apprendre le vocabulaire Page 98 (D1) - Trouver les mots et expressions nouveaux dans les lettres page 98 |
| Bài tập/ Thảo luận | 3 | - Exercices 1,2,3,4 , p.101 - lisez- réfléchissez: E.1,2,3 p.101 | - Bien utiliser les formules, les réponses d'invitation... | Bien Observer les lettres |
| Thực hành | | - écrire les lettres , répondre aux lettres en gardant le meme style, familier ou formel | - Pratiquer l'expression écrite | Participer activement |
| Tự học/tự NC | 6- a la maison | Terminer tous les exercices écrits bien écrire une lettre au différent style. | Renforcer les connaissances de vocabulaire et grammaire, | - Faire des exercices. |
| Tư vấn GV | | Faire attention aux structures de petits messages et utiliser fréquemment entre amis | | |
| KT-ĐG | | Test 4 | Bien utiliser la forme d'une lettre et du langage familière. | |

Nội dung 11, Tuần 11: Unité 8, leçon1,2: UNE EPOQUE, UNE CHANSON; UN CHAMPION

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian (số tiết) | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|---------------------|---|--|---|
| Lý thuyết | 2 | <p>Découverte de la page d’ouverture de l’unité: commentaire guide des photos</p> <p>- Découverte du document: 2 parties à relier: “une époque, une chanson”: les photos de quatre décennies avec un début de chanson; “je me souviens”: Découverte du document: - lecture individual et rapide “un champion”- lecture phrase par phrase et repérer</p> | <p>- Grammaire:+ l’imparfait de l’indicatif +employ du P.C et de l’Imparfait dans le récit d’un événement passé+enchaînement des moments de l’action</p> <p>- Vocabulaire: + le football, une équipe, un ballon, un but, une coupe, un stade... rouler...- Culture: + quelques repères du passé recent de la France, +Zinedine Zidane,</p> | <p>- Apprendre le vocabulaire Page 104, 106 (D1)- Trouver les mots et expressions nouveaux dans les dialogues page 105, 107</p> |
| Bài tập/ Thảo luận | 4 | <p>-Exercices 1,2, p.105</p> <p>- E. 1,2,3 p.106, Exercices 1,2,3,4, p.108, 109</p> | <p>- Bien distinguer l’imparfait et le P.C dans l’expression des souvenirs et des états passe</p> | <p>Bien Observer le tableau</p> |
| Thực hành | | <p>- expression orale: presentation un exposé en 5 m.- lecture du document p.109 et comparer 1,2</p> | <p>- Pratiquer l’expression orale,faire des commentaires</p> | <p>Bien pratiquer</p> |
| Tự học/tự NC | | <p>-Terminer tous les exercices écrits</p> <p>-Preparer un exposé en parlant de l’époque</p> | <p>Renforcer les connaissances de vocabulaire et grammaire</p> | <p>- Faire des exercices.</p> |
| Tư vấn GV | | <p>Bien parler ou raconter du passé, de ce que vous avez passé par des expressions de la durée et de temps de passé.</p> | | |
| KT-ĐG | | <p>Les connaissances acquises</p> | <p>Evaluer les exercices et les taches réservées aux étudiants</p> | |

Nội dung 12, Tuần 12 : Unité 8, leçon4: LE RETOUR AU PAYS1- CA FAIT LONGTEMPS...

| Hình thức tổ chức dạy học | Thời gian (số tiết) | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|---------------------------|---------------------|---|---|---|
| Lý thuyết | 3 | -Découverte du document:l'histoire 'le retour au pays". Deux homes d'une quarantaine d'année, Chaarles et Frannçois retrouvent après d'être perdus de vue pendant 20ans... - observation des images et écoute de la première partie du document. - faire expliquer la situation | - Grammaire: +l'expression de la durée: depuis un moment du passée jusqu'au moment present: depuis, il y a...que,... - Vocabulaire: Une ferme, un agriculteur, un maire, une election, ;le temmps, la medicine, quitter - Culture: Relation entre des amis, la vie à lla campagne en France | - Apprendre le vocabulaire Page 110 (D1) - Trouver les nouveaux dans les dialogues page 110 |
| Bài tập/ Thảo luận | 2 | -Exercez-vous p.111-Exercices 1,2,3 p.112, 113 - Ex. 1-4 | - Bien utiliser les expressions de la durée , les verbs dans le passé | Bien Observer le tableau |
| Thực hành | 1 | - écoute et travail sur les trois parties du documents - complétez le tableau du E. 1,2 p.110 | - Pratiquer le comprehension orale | Participer activement |
| Tự học/tự NC | | Terminer tous les exercices écrits Marquer des difficultés | Renforcer les connaissances de vocabulaire et grammaire | - Faire des exercices. |
| Tư vấn GV | | Bien parler ou raconter du passé, de ce que vous avez passé par des expressions de la dutrée et de temps de | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises - Test 5 : parlez de votre enfant par écrit une 20 lignes | Evaluer les exercices et les taches réservées aux étudiants Evaluer les connaissances grammaticales et lexicales | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | | |

Nội dung 13, Tuần 13: Unité 8, leçon5: LE RETOUR AU PAYS 2- PRESENT ET PASSE

| Hình thức TCDH | Thời gian (số tiết) | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|-----------------------|---------------------|--|--|--|
| Lý thuyết | 3 En classe | -Découverte du texte: + lecture du texte et des 5 premières lignes du texte de la P.114 +expliquer les mots nouveaux clés +recherché des informations -Panorama de l’histoire de la France Répondre aux questions de compréhension du texte | - Grammaire: le temps du passé - Vocabulaire: nom de lieu: station, lycée, valeur, architecture, lieu, colloque... - Culture: l’histoire de la France en une vie d’ensemble Les moments, les noms et les lieux de l’histoire | - Apprendre le vocabulaire Trouver nouveaux Page 114 , 115 (D1) |
| Bài tập/ Thảo luận | 2 | -Exercices 1,2,p. 118, 1,2, p.119, 1,2,3, p.120; 1,2, p 121 | - Bien lire le document, bien comprendre l’histoire et le reportage | Bien Observer le tableau |
| Thực hành | 1 | - Imaginez er parlez: faire vivre un lieu et un personnage du passé. Presenter le projet - Bilan 8: parler du passé, raconter l’histoire, parler de la famille, préciser le moment | - Pratiquer l’expression orale ou écrite - Rappeler les connaissances acquises dans l’ unite 8 - Pratiquer le comprehension orale | Participer activement |
| Tự học/tự NC | 7 À la maison | -Terminer tous les exercices écrits, Préparer le projet, Bien utiliser le pronom” en” | Renforcer les connaissances de vocabulaire sur l’histoire de la France | - Faire soi -même des exercices. |
| Tư vấn GV | | Retenir les connaissances grammaticale et lexicale de l’unité 8 surtout les temps du passé et les expressions pour exprimer les événement dans le passé. | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | Evaluer les exercices et les taches réservées aux étudiants | |

Nội dung 14, Tuần 14 : Unité 8, leçon6: LE PASSE EST TOUJOURS PRESENT; BILAN 8

| Hình thức TCDH | Thời gian (số tiết) | Nội dung chính | Mục tiêu cụ thể | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị |
|-----------------------|---------------------|--|--|---|
| Lý thuyết | 3 En classe | -Découverte du texte: + lecture du texte et des 5 premières lignes du texte de la P.114 +expliquer les mots nouveaux clés +recherché des informations -Panorama de l’histoire de la FranceRépondre aux questions de comprehension du texte | - Grammaire: le temps du passé - Vocabulaire: nom de lieu: station, lycée, valeur, architecture, lieu, colloque... - Culture: l’histoire de la France en une vie d’ensemble Les moments, les noms et les lieux de l’histoire | - Apprendre le vocabulaire Trouver les mots et nouveaux Page 114 , 115 (D1) |
| Bài tập/ Thảo luận | 2 | -Exercices 1,2,p. 118, 1,2, p.119, 1,2,3, p.120; 1,2, p 121 | - Bien lire le document, bien comprendre l’histoire et le reportage | Bien Observer le tableau |
| Thực hành | 1 | - Imaginez er parlez: faire vivre un lieu et un personnage du passé. Presenter le projet - Bilan 8: parler du passé, raconter l’histoire, parler de la famille, | - Pratiquer l’expression orale ou écrite - Rappeler les connaissances acquises dans l’ unite 8 - Pratiquer le comprehension orale | Participer activement |
| Tự học/tự NC | 7 À la maison | -Terminer tous les exercices écrits, Préparer le projet, Bien utiliser le pronom” en” | Renforcer les connaissances de vocabulaire sur l’histoire de la France | - Faire soi -même des exercices. |
| Tư vấn GV | | Retenir les connaissances grammaticale et lexicale de l’unité 8 surtout les temps du passé et les expressions pour exprimer les événement dans le passé. | | |
| KT-ĐG | | Les connaissances acquises | Evaluer les exercices et les taches réservées aux étudiants | |

9. Chính sách đối với học phần

- Yêu cầu đối với người học
 - + Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1, 2) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.
 - + Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành; tích cực tham gia thảo luận.
 - + Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết ở mỗi loại hình học tập (nghe giảng, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành).
- Về đánh giá: Căn cứ vào tinh thần, thái độ học tập và mức độ đạt được của các bài kiểm tra để cho điểm, đảm bảo sự công bằng và chính xác.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

10.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

- Tổng số bài kiểm tra đánh giá thường xuyên: 5, thực hiện ở tuần 2,4,6,10,12
- Tham dự học tập trên lớp đầy đủ, tích cực tham gia xây dựng bài : 10 %
- Tham gia tích cực các hoạt động nhóm trên lớp, làm bài tập nhóm, bài tập tháng đầy đủ : 10 %
- Hoàn thành tốt nội dung phần tự học, bài tập cá nhân, BT tuần, bài tập lớn : 10%

10.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

Kiểm tra viết giữa kỳ được thực hiện theo định hướng của giảng viên vào tuần thứ 8.

* Tiêu chí đánh giá kiểm tra giữa kỳ : 10 điểm

- + Thực hiện đúng yêu cầu của bài : 5 điểm
- + Trình bày sạch sẽ: 1 điểm
- + Mức độ chính xác trong phát âm, ngữ điệu, từ ngữ, diễn đạt trôi chảy : 1 điểm

10.3. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ : trọng số 50%

- Bài thi viết theo kế hoạch thi của nhà trường :
- Điểm thi được đánh giá theo đáp án đề thi .

* Tiêu chí đánh giá kiểm tra cuối kỳ : 10 điểm

10.4. MA TRẬN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ- HỌC PHẦN

MA TRẬN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN TIẾNG PHÁP 1

| Hình thức KT | Nội dung | Cấp độ | | | | | |
|--------------|-----------------------------|--------|------|----------|-----------|----------|----------|
| | | Nhớ | Hiểu | Vận dụng | Phân tích | Đánh giá | Sáng tạo |
| 1 | Kiến thức : | | | | | | |
| KT TX | Về Ngữ Âm: kiến thức về các | x | x | x | | | |

| | | | | | | | |
|----------------------------------|---|---|---|------------------------------|--|--|--|
| 1,2 | nguyên âm, phụ âm, Các nguyên tắc ghép âm, nối âm, luyện âm | | | | | | |
| KT TX 3,4,5 KT GK KT CK | Về Ngữ Pháp: kiến thức về các đại từ, cách chia các động từ cơ bản trong tiếng pháp ở các thì đơn giản như hiện tại, tương lai gần, thức mệnh lệnh; Các mạo từ, tính từ sở hữu, trạng từ; các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu đơn giản. | x | x | x | | | |
| KT TX 3,4,5 KT GK KT CK | Về Từ vựng: vốn từ vựng về các chủ đề quen thuộc hằng ngày như gia đình, thành phố, các ngày tháng năm, số đếm, số thứ tự... | x | x | x | | | |
| Bài tập nhóm | Về Văn hóa văn minh Pháp: văn hóa Pháp như các thành phố lớn của Pháp, nếp sinh hoạt của người Pháp... | x | x | | | | |
| 2 | Kỹ năng : | | | | | | |
| KT TX 1,2 | Kỹ năng Nghe: - nghe hiểu lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận và xử lý thông tin - Hiểu những đoạn hội thoại rất ngắn, cấu trúc rất đơn giản, tốc độ nói chậm và rõ ràng về các chủ đề cá nhân cơ bản, trường lớp học và những nhu cầu thiết yếu. | | | x | | | |
| KT TX 1,2 | Kỹ năng Nói: - Hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực quan tâm và về những chủ đề quen thuộc - Phát âm rõ ràng những từ, cụm từ và cách diễn đạt đã được học; - Sử dụng các phát ngôn rất ngắn, biệt lập, - Sử dụng một số ít các cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đã học; - Sử dụng các nhóm từ, cách diễn đạt lịch sự đơn giản nhất hằng ngày, bao gồm: chào hỏi, giới thiệu, nói xin mời, cảm ơn, xin lỗi... | | | X X X X | | | |
| KT TX 3,4,5 KT GK | Kỹ năng Đọc: - Hiểu các đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học | | | X | | | |

| | | | | | | | |
|----------------------------------|--|--|--|---|--|--|---|
| KT CK | như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè v.v... - Hiểu sơ bộ nội dung của các văn bản đơn giản, quen thuộc hoặc các đoạn mô tả ngắn, đặc biệt là khi có minh họa kèm theo | | | x | | | |
| KT TX 3,4,5 KT GK KT CK | Kỹ năng Viết: - Viết những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc; Có thể viết những cụm từ, câu đơn giản về bản thân và những người trong tương tượng - Viết, đáp lời một bưu thiếp, điền các bảng, biểu mẫu đơn giản; Có thể viết và điền các con số, ngày tháng, tên riêng, quốc tịch, địa chỉ, tuổi, ngày sinh khi đến một quốc gia, | | | X | | | |
| 3 | Thái độ: | | | | | | |
| KTTX, GK, CK | Tích cực trong các hoạt động trên lớp | | | x | | | |
| 3.2 | Chủ động chuẩn bị bài tập ở nhà | | | x | | | |
| KTTX, GK, CK | Trung thực trong kiểm tra, đánh giá | | | x | | | |
| 4 | Các năng lực khác: | | | | | | |
| Bài tập nhóm | Kỹ năng làm việc nhóm | | | x | | | X |
| KT M | Kỹ năng giao tiếp | | | | | | |
| Bài tập Nhóm | Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong học ngoại ngữ | | | | | | |

10.5. Lịch thi, kiểm tra

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Bố trí ở tiết cuối của tuần 2,4,6,10,12

Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Bố trí ở tiết đầu của tuần 7.

Bài thi cuối kỳ: Thực hiện khi kết thúc môn học, theo lịch của trường.

Thanh Hóa, ngày 01/02/2017

Phó Trưởng Khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên

TS. Nguyễn Thị Quyết

ThS. Nguyễn Huy Tậu

ThS. Trịnh Cẩm Xuân